

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiêm

2. Ông Lê Thiết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu 19, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn N**, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu 8, xã V (Khu 5, xã V cũ), huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay đang cải tạo tại Phân trại số 2, Trại giam Tân Lập, Cục C10, Bộ Công An. Địa chỉ: Xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, địa chỉ: Thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, chức vụ và địa chỉ nơi làm việc: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Phú Thọ, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2020). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị Đ** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn N có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là xã V), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong sinh hoạt, vợ chồng chung sống được 01 năm thì anh N bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản, anh N phải đi cải tạo nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2014. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 02/11/2013. Khi ly hôn, chị xin nuôi con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng chị có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông là 30.000.000 đồng vào ngày 04/9/2014. Chị đã trả được 3.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 26/02/2020. Còn lại gốc là 27.000.000 đồng và lãi phát sinh. Chị xin nhận trả số tiền gốc là 12.000.000 đồng, lãi phát sinh đến 11/5/2020 là 3.752.893 đồng và lãi phát sinh sau ngày 11/5/2020 cho đến khi thanh toán xong. Anh N phải có nghĩa vụ trả 15.000.000 đồng và lãi phát sinh sau ngày 11/5/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Chị đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Anh **Phạm Văn N** vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt và có lời khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nhất trí với chị Đ về thời gian kết hôn và chung sống. Nay chị Đ xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án được vì đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Tân Lập, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh.

Về con chung: Có 01 con chung như chị Đ đã trình bày nêu trên, anh nhất trí để chị Đ nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông, số tiền vay là 40.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án chia đôi khoản nợ này cho vợ chồng. Chị Đ đã trả được một phần nợ thì đề nghị Tòa án xác nhận cho chị Đ.

Người đại diện hợp pháp của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội

huyện Tam Nông là bà **Nguyễn Thị Tuyết N** vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, đã cung cấp tài liệu, chứng cứ và có lời khai trình bày:

Ngày 04/9/2014, anh N và chị Đ có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền gốc là 30.000.000 đồng (Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 03/9/2019, lãi suất là 0,720%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,936%/tháng). Ngày 26/02/2020, chị Đ có trả được số tiền gốc là 3.000.000 đồng. Tính đến ngày 11/5/2020, số tiền gốc còn phải trả là 27.000.000 đồng, lãi là 3.752.893 đồng.

Quá trình vay, anh N và chị Đ không có thể chấp gì tại ngân hàng. Yêu cầu anh N và chị Đ có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng dân sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Văn N.

Về con chung: Xử giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 02/11/2013. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ không yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ:

Xử chị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền gốc là 12.000.000 đồng, lãi phát sinh đến 11/5/2020 là 3.752.893 đồng, tổng là 15.752.893 đồng và lãi phát sinh theo sổ vay vốn từ ngày 12/5/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Anh N có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền gốc là 15.000.000 đồng và lãi phát sinh theo sổ vay vốn từ ngày 12/5/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật và án phí về nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh N được xác lập và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn phát sinh do bất đồng ý kiến, vợ chồng chung sống được 01 năm thì anh N bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản, anh N phải đi cải tạo nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2014. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn nên xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Văn N.

[3] Về con chung: Có 01 con chung đang ở cùng chị Đ, anh N đang phải đi chấp hành án phạt tù nên xử giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 02/11/2013.

Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ không yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về công nợ: Xem xét ý kiến trình bày của chị Đ, anh N, ý kiến của đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông và các tài liệu, chứng cứ kèm theo xác định ngày 04/9/2014, anh N và chị Đ có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Ngày 26/02/2020, chị Đ có trả được số tiền gốc là 3.000.000 đồng. Tính đến ngày 11/5/2020, số tiền gốc còn phải trả là 27.000.000 đồng, lãi là 3.752.893 đồng.

Xử chị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền gốc là 12.000.000 đồng, lãi phát sinh đến 11/5/2020 là 3.752.893 đồng, tổng là 15.752.893 đồng và lãi phát sinh theo sổ vay vốn từ ngày 12/5/2020 cho đến khi thanh toán xong. Anh N có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền gốc là 15.000.000 đồng và lãi phát sinh theo sổ vay vốn từ ngày 12/5/2020 cho đến khi thanh toán xong là phù hợp với ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về công sức: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Đ và anh N phải chịu án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Đ và anh Phạm Văn N.

Về con chung: Xử giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 02/11/2013. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ không yêu cầu. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ:

Xử chị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền gốc là 12.000.000 đồng, lãi phát sinh đến 11/5/2020 là 3.752.893 đồng, tổng số tiền là 15.752.893 đồng và lãi phát sinh theo sổ vay vốn (lãi suất nợ quá hạn 0,936%/tháng) từ ngày 12/5/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Anh N có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền gốc là 15.000.000 đồng và lãi phát sinh theo sổ vay vốn (lãi suất nợ quá hạn 0,936%/tháng) từ ngày 12/5/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002185 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là: 787.000 đồng. Anh Phạm Văn N phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là: 750.000 đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa;
- UBND xã V, huyện T;
- Lưu HS, VP, KT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Đình Chi